

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 58/2020/HNGĐ – ST

Ngày: 19-11-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Trần X Đạm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:***

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Điều Thị Kim X, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Có mặt

*2. Bị đơn:* Ông Điều M, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Điều Thị Kim X trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà X và ông Điều M tự nguyện sống chung vào năm 2005, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại Ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông M không lo làm ăn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông M. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên bà X xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Điều Thị Kim P, sinh ngày 28/6/2006 và Điều Hoàng T, sinh ngày 27/10/2010. Hiện nay các con sống chung với bà X. Khi ly hôn, bà X yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Hiện bà X không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: bà X và ông M không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

- Trong quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Điều M trình bày:

Ông M thống nhất với lời trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân, con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn vợ chồng. Hiện tại ông M sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà X xin ly hôn thì ông M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X vì còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Điều Thị Kim P, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Điều Hoàng T, sinh ngày 27/10/2010. Hiện nay các con sống chung với bà X từ lúc ly thân cho tới nay. Trường hợp tòa án cho ông M và bà X ly hôn thì ông M đồng ý giao con cho bà X nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà X và ông M không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điều Thị Kim X.

- + Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Điều Thị Thanh X và ông Điều M.
- + Về con chung: giao 02 con chung tên Điều Thị Kim P, sinh ngày 28/6/2006 và cháu Điều Hoàng T, sinh ngày 27/10/2010 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, bà X không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- + Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Điều Thị Kim X có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Điều M. Xét ông M cư trú tại Ấp 1, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 05/7/2007 của Ủy ban nhân dân xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông M là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà X. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà X thì giữa bà X và ông M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M không lo làm ăn, ông M hay bỏ đi uống rượu không lo làm việc, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà X xác định không còn tình cảm với ông M và yêu cầu được ly hôn. Đối với ông M cũng thừa nhận việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do ông M hay nhậu nhẹt, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay. Ông M cũng tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà X vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng bà X và ông M đã sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay cho thấy thời gian đã kéo dài nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được, không ai quan tâm tới ai. Ông M cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông M đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X.

[4] Về con chung: Bà X và ông M có 02 con chung tên Điều Thị Kim P, sinh ngày 28/6/2006 và Điều Hoàng T, sinh ngày 27/10/2010. Bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai người con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ông M trình bày nếu trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì ông M đồng

ý giao 02 con chung cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai cháu Tú và cháu P thì cháu T và P có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Nên Hội đồng xét xử cần giao cho bà X nuôi hai người con là phù hợp

Về cấp dưỡng: Do bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà X và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị Kim X

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị Kim X được ly hôn với ông Điều M.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Điều Thị Kim P, sinh ngày 28/6/2006 và Điều Hoàng T, sinh ngày 27/10/2010 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3.** Về án phí: Buộc bà Điều Thị Kim X phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà X

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0001075 ngày 19 tháng 5 năm 2020;

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc An;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM--  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quốc Tú**

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thiện;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM--  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quốc Tú**